TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 587/2024/HNGĐ-ST Ngày: 22-5-2024 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ;
2. Ông Lê Văn Khanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lê Xuân Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2036/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1981

  Thường trú: 40 đường L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Đại Thụy Uyên H. Sinh năm: 1988

  Thường trú: 40 đường L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của các bên đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Đại Thụy Uyên H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết

hôn số 71 do Ủy ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/5/2012.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không hàn gắn được. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà Đại Thụy Uyên H.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Đại Phúc H, sinh ngày 16/8/2012. Ông H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Đại Thụy Uyên H mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến và thu thập được chứng cứ từ bà H.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tống đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng nhưng chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa ông Nguyễn Văn H và bà Đại Thụy Uyên H là tranh chấp ly hôn. Xét bị đơn có nơi cư trú tại số 40 đường L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà H đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Đại Thụy Uyên H vắng mặt, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn H và bà Đại Thụy Uyên H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71 do Ủy ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/5/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo ông H trình bày do mâu thuẫn vợ chồng nên không thể tiếp tục chung sống, nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm, tính tình, thường xuyên cãi nhau. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà H.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung hiện tại của vợ chồng ông H bà H không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải nhưng bà H không đến là không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông H bà H đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Đại Phúc H, sinh ngày 16/8/2012. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét nguyện vọng của trẻ Hải mong muốn được ở với cha. Bị đơn bà H vắng mặt nên Tòa án không xét yêu cầu của bà H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của trẻ và để hạn chế được phần nào về sự ảnh hưởng tiêu cực về tâm sinh lý của trẻ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy việc giao trẻ Nguyễn Đại Phúc H cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông H khai hai bên không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0010491 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Đại Thụy Uyên H. Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 71 do Ủy ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/5/2012 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Đại Phúc H, sinh ngày 16/8/2012 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đại Thụy Uyên H không cấp dưỡng nuôi con vì ông H không yêu cầu.

Bà H, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông Nguyễn Văn H xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0010491 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-Viện kiểm sát cùng cấp;
-Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phi Yến